

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt và ban hành “Quy chế Quản lý Thương hiệu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3905/QĐ-DKVN ngày 18/7/2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên trong Hội đồng Thành viên PVN;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công văn số 132/CVNB-LH ngày 09/12/2019 và số 07/CVNB-LH ngày 22/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”.

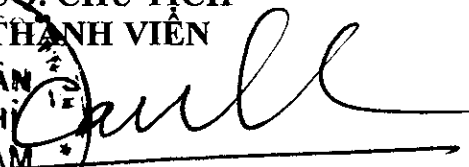
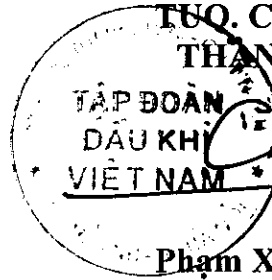
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Quy chế “Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định này thay thế “Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 6444/QĐ-DKVN ngày 21/7/2011 và Quyết định số 7349/QĐ-DKVN ngày 18/9/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của “Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 6444/QĐ-DKVN ngày 21/7/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Các quy định ban hành trước đây liên quan đến hoạt động quản lý sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Tổng Giám đốc và Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban có liên quan của PVN, Thủ trưởng/Người đại diện phần vốn của PVN tại các Công ty/Đơn vị sử dụng Nhân hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
- HĐQT PVN (e copy);
- TGD PVN (để tổ chức thực hiện);
- Các PTGD PVN (e copy);
- Ban PC&KTr, TCKT, VP, TT&VHDN (để t/hiện);
- Các Ban/VP của PVN (e copy);
- Thủ trưởng/Người đại diện của PVN tại các Công ty/Đơn vị có liên quan (Ban PC&KTr t/báo);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TU. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN


Phạm Xuân Cảnh

PHÒNG
AUXILIAR
VIỆT NAM

QUY CHẾ

Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-DKVN ngày 24 tháng 01 năm 2020)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được xây dựng và ban hành với mục đích:

1. Quảng bá rộng rãi hình ảnh, tạo dựng và góp phần làm gia tăng uy tín, giá trị thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

2. Nâng cao uy tín, sức cạnh tranh của các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tạo lợi thế cho các Công ty/đơn vị này phát triển hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong hoạt động xúc tiến đầu tư-thương mại, góp phần rút ngắn con đường dẫn đến thành công đối với các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

3. Quy định chi tiết về sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong các văn bản hành chính, trong giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp;

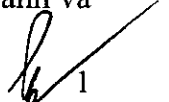
4. Thống nhất việc quản lý và sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đảm bảo để các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hiểu, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

5. Đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa marketing và quản lý Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong quá trình phát triển Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

6. Phát huy tối đa nội lực, xây dựng nhận thức của cộng đồng, củng cố danh tiếng, quảng bá hình ảnh về một tập đoàn kinh tế vững mạnh, có thương hiệu mang tầm quốc gia, qua đó tạo lợi thế cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong hoạt động sản xuất-kinh doanh, mở rộng thêm mạng lưới đối tác trong và ngoài nước.

7. Hỗ trợ quá trình liên doanh, liên kết đầu tư, tận dụng được các nguồn vốn từ các nhà đầu tư ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; giúp công tác thực thi và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đạt được hiệu quả cao hơn, hạn chế tối đa các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương hiệu nhờ tầm ảnh hưởng lớn từ giá trị Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

8. Ngăn chặn việc sử dụng không phép, trái pháp luật, không đúng mục đích Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong các giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Quy chế này bao gồm:

1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
2. Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, bao gồm các đơn vị trực thuộc, các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo và các đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho phép sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
3. Các doanh nghiệp và tổ chức được Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho phép sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ và chữ viết tắt trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” (gọi tắt là Tập đoàn) là nhóm công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, không có tư cách pháp nhân, được gắn bó chặt chẽ và lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác, bao gồm:

- a) Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- b) Các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn;
- c) Các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

2. “Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” – công ty mẹ (gọi tắt là PVN) trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và chuyển đổi theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. “Điều lệ PVN” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được ban hành kèm theo Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ (bao gồm các sửa đổi, bổ sung của Điều lệ PVN hoặc Điều lệ PVN được ban hành thay thế Điều lệ này).

4. “Đơn vị trực thuộc PVN” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo và các đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Danh sách các đơn vị trực thuộc PVN được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Điều lệ PVN và có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động của PVN.

5. “Doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn” là các doanh nghiệp do PVN hoặc công ty con của PVN sở hữu 100% vốn điều lệ, có cổ phần, vốn góp chi phối, hoặc giữ quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.

6. “Doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn” gồm công ty có vốn góp dưới mức chi phối của PVN, công ty con của PVN và không do các doanh nghiệp này nắm giữ quyền chi phối; doanh nghiệp không có vốn góp của PVN và của công ty con của PVN tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết hoặc không có hợp đồng liên kết và có

mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn.

7. “Công ty con của PVN” (doanh nghiệp cấp II) là các công ty có vốn góp của PVN và do PVN nắm giữ quyền chi phối. Công ty con của PVN được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.

8. “Đơn vị trực thuộc của các Công ty con của PVN” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo và các đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu Công ty con của PVN.

9. “Công ty con của doanh nghiệp cấp II” (doanh nghiệp cấp III) là doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp cấp II và do doanh nghiệp cấp II nắm giữ quyền chi phối. Doanh nghiệp cấp III được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

10. “Doanh nghiệp của Công ty/đơn vị” là các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty/đơn vị và có quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quyết định của Hội đồng Thành viên PVN.

11. “Quyền chi phối” là quyền của PVN đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- a) Quyền sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
- b) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối của doanh nghiệp (sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông) của doanh nghiệp đó;
- c) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp;
- d) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- e) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
- f) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp bị chi phối và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

12. “Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN” hay “Công ty/đơn vị” là các doanh nghiệp có quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và/hoặc theo Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết với các Công ty/đơn vị này.

13. “Thương hiệu PVN” – tên gọi tắt của “Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”, là khái niệm kinh tế được nhìn nhận dưới góc độ quản trị doanh nghiệp và được coi như một công cụ sắc bén, một đòn bẩy kinh tế hiệu quả trong việc hoạch định tầm nhìn và chính sách đối với từng doanh nghiệp. Thương hiệu PVN là tập hợp các dấu hiệu đặc biệt, hình ảnh, cảm xúc, thông điệp để nhận biết sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ do PVN

và/hoặc các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN sản xuất, cung cấp. Giá trị Thương hiệu PVN được hình thành từ uy tín, lợi thế kinh doanh, nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại,... của PVN.

14. “Chiến lược phát triển PVN” là tên gọi tắt của Chiến lược phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là những định hướng, kế hoạch phát triển của PVN trong một giai đoạn nhất định, được xây dựng trên cơ sở phân tích và xác định nguồn lực, kinh nghiệm, cũng như thế mạnh của PVN, nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của PVN.

15. “Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN” hay “Bộ nhận diện Thương hiệu PVN” là tên gọi tắt của Hệ thống nhận diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, bao gồm hệ thống quy chuẩn nhận diện Thương hiệu PVN và Hệ thống các ứng dụng của quy chuẩn nhận diện Thương hiệu PVN được quy định trong Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN do PVN xây dựng và ban hành.

16. “Tên thương mại của PVN” là tên gọi của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sử dụng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt PVN khi mang tên thương mại đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi PVN có bán hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

17. “Tên thương mại của Công ty/đơn vị” là tên gọi của Công ty/đơn vị dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt Công ty/đơn vị khi mang tên thương mại đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực, khu vực kinh doanh và trong Tập đoàn. Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi Công ty/đơn vị có bán hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

18. “Chỉ dẫn địa lý” là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

19. “Bí mật kinh doanh” là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh của PVN.

20. “Sáng chế” là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

21. “Kiểu dáng công nghiệp” là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

22. “Nhãn hiệu PVN” là tên gọi tắt của “Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam”, là hình ảnh thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của PVN và các đơn vị/tổ chức có quyền sử dụng “Nhãn hiệu PVN”, là một tổng thể bao gồm tên gọi và/hoặc biểu tượng (Logo) của PVN được quy định trong Điều lệ PVN.

Quyền sở hữu của PVN đối với nhãn hiệu hàng hóa (Nhãn hiệu PVN) được pháp luật công nhận và bảo hộ theo những Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa sau:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 43290 do Cục Sở hữu Công nghiệp thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp theo Quyết định số 3780/QĐ-ĐK ngày 19 tháng 9 năm 2002, Quyết định sửa đổi số 15643/QĐ-SHTT ngày 07 tháng 08 năm 2008, Quyết định cấp lại số 1554/QĐ-SHTT ngày 05 tháng 07 năm 2012 và Quyết định gia hạn số 35149/QĐ-SHTT ngày 06 tháng 07 năm 2012;

- b) Giấy chứng nhận đăng ký số 798033 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) cấp ngày 29 tháng 03 năm 2003;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu của Cộng đồng Châu Âu số 002917516 do Văn phòng điều phối thị trường chung về nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp (OHIM) cấp ngày 30 tháng 06 năm 2004;
- d) Giấy chứng nhận số 2980715 do Cơ quan Quản lý nhãn hiệu hàng hóa và sáng chế Hoa Kỳ cấp ngày 02 tháng 08 năm 2005;
- e) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 155559, 155560 và 155561 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010;
- f) Giấy Chứng nhận Đăng ký Hợp đồng Chuyển nhượng Quyền Sở hữu Công nghiệp (“CNDK HDCNQSHCN”) số 5499 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa (“CNDK NHHH”) số 126810 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 30 tháng 12 năm 2011;
- g) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5561 và Giấy CNDK NHHH số 61623 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 08 tháng 03 năm 2012;
- h) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5562 và Giấy CNDK NHHH số 152461 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 08 tháng 03 năm 2012;
- i) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5563 và Giấy CNDK NHHH số 71526 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 08 tháng 03 năm 2012;
- j) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5801 và Giấy CNDK NHHH số 143599 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- k) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5802 và Giấy CNDK NHHH số 53319 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- l) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5803 và Giấy CNDK NHHH số 128101 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- m) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5804 và Giấy CNDK NHHH số 123429 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- n) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5805 và Giấy CNDK NHHH số 64495 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- o) Giấy CNDK HDCNQSHCN số 5806 và Giấy CNDK NHHH số 39952 do Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 20 tháng 7 năm 2012”;
- p) Các quyết định sửa đổi, bổ sung khác đối với các Giấy CNDK HDCNQSHCN và Giấy CNDK NHHH nêu trên.

23. “Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN” hay “Hợp đồng Nhãn hiệu PVN” là hợp đồng (không độc quyền) ký kết giữa PVN và các Công ty/đơn vị quy định về

việc chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, quyền và nghĩa vụ của các Bên đối với Nhãn hiệu PVN được chuyển quyền sử dụng trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Hợp đồng Nhãn hiệu PVN mẫu do Tổng giám đốc PVN quyết định và phê duyệt. Hợp đồng Nhãn hiệu PVN mẫu sẽ gửi cho các Công ty/đơn vị đã được Hội đồng Thành viên PVN cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN để làm cơ sở đàm phán và ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN giữa PVN và Công ty/Đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN.

24. “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm các luật/bộ luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành.

25. Các từ ngữ khác nếu không được quy định hay giải thích trong Quy chế này sẽ được hiểu như giải nghĩa theo thứ tự ưu tiên: (i) trong Điều lệ PVN; (ii) theo quy định pháp luật.

Chương II

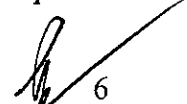
THƯƠNG HIỆU TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Điều 4. Hình ảnh, uy tín và vai trò của Thương hiệu PVN

1. Hình ảnh Thương hiệu PVN là sự kết hợp tổng thể giữa ngôn ngữ hình ảnh của Nhãn hiệu PVN và thông điệp về Thương hiệu PVN để giúp người tiêu dùng và đối tác kinh doanh dễ dàng liên tưởng và nhận biết được sản phẩm của PVN cùng những giá trị ưu việt của Thương hiệu PVN. Hình ảnh Thương hiệu là yếu tố quan trọng, góp phần quyết định sự thành công đối với chiến lược truyền thông Thương hiệu PVN.

2. Uy tín Thương hiệu PVN được tạo nên bởi tổng thể giá trị và giá trị gia tăng của Thương hiệu PVN góp phần:

- a) Chứng nhận bảo đảm chất lượng của sản phẩm/dịch vụ mang Thương hiệu PVN, có giá trị thuyết phục người tiêu dùng chấp nhận và sử dụng sản phẩm và dịch vụ mang Thương hiệu PVN;
- b) Thuyết phục người bán hàng phân phối sản phẩm/dịch vụ mang Thương hiệu PVN, tạo uy tín cho nhà phân phối sản phẩm/dịch vụ mang Thương hiệu PVN;
- c) Tạo lợi thế cho Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong hoạt động xúc tiến đầu tư-thương mại (phạm vi lãnh thổ sử dụng Nhãn hiệu rộng lớn, uy tín lớn của PVN trong hoạt động và cung cấp dịch vụ, mức doanh thu PVN cao là bảo đảm tốt nhất trước các đối tác);
- d) Tạo lợi thế cạnh tranh và các thế mạnh của PVN và các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN khi thương lượng và đàm phán giao kết với đối tác;
- e) Tăng hiệu quả của quảng cáo tiếp thị, nâng cao hiệu quả của các hoạt động tiếp thị, giúp giảm chi phí tiếp thị trên mỗi sản phẩm/dịch vụ;
- f) Góp phần gia tăng giá cổ phiếu, tạo cho cổ đông niềm tin và dễ dàng gọi vốn đầu tư thông qua việc phát hành cổ phiếu, cũng như nâng cao và duy trì giá cổ phiếu của doanh nghiệp sử dụng Thương hiệu PVN;



- g) Xác nhận và gia tăng giá trị cho các nhãn hàng khác của Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN, giúp những Công ty/đơn vị này phát huy thế mạnh trong việc đưa ra các sản phẩm/dịch vụ mới, thuyết phục nhà phân phối hợp tác trong việc tung sản phẩm/dịch vụ mới và thuyết phục người tiêu dùng chấp nhận sản phẩm/dịch vụ mới;
- h) Tạo nên niềm tự hào về Thương hiệu PVN; phát triển Thương hiệu PVN thành thương hiệu quốc gia;
- i) Gia tăng giá trị khối tài sản vô hình của PVN và Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN, thu hút và giữ nhân tài, dễ dàng thiết lập một hệ thống quản lý chuyên nghiệp, dễ dàng đầu tư vào các công nghệ tiên tiến hoặc nghiên cứu phát triển những sản phẩm tiềm năng, dễ dàng xây dựng được các mối quan hệ giá trị với doanh nghiệp khác cũng như chính quyền; tạo điều kiện tốt và tạo các ưu thế trong tất cả các hoạt động kinh doanh và phát triển PVN và Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN.

Điều 5. Chiến lược Thương hiệu PVN

1. Chiến lược Thương hiệu PVN là hệ thống tổng thể bao gồm sự kết hợp giữa cam kết và thiết lập hình tượng trong nhận thức khách hàng và đối tác, đồng thời chuyển tải và thực hiện các cam kết nêu trên với mục đích đề ra các định hướng phát triển đối với lĩnh vực quản lý thương hiệu, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện đồng bộ mọi hoạt động liên quan đến thương hiệu đó. Không có chiến lược thương hiệu, công tác quản lý và phát triển thương hiệu sẽ gặp rất nhiều khó khăn và kém hiệu quả. Chiến lược Thương hiệu PVN tập trung vào những định hướng sau:

- a) Xây dựng cơ cấu thương hiệu và sản phẩm;
- b) Thiết lập các giải pháp định vị chiến lược cho từng nhóm sản phẩm, ngành nghề kinh doanh và các nhãn hiệu hàng hóa chủ lực;
- c) Xây dựng và phát triển bản sắc Thương hiệu PVN;
- d) Ban hành Quy chế Quản lý Thương hiệu PVN;
- e) Xây dựng đồng bộ hệ thống các biện pháp bảo vệ Thương hiệu PVN và bảo hộ Nhãn hiệu PVN.

2. Chiến lược Thương hiệu PVN được xây dựng, áp dụng và hoàn thiện đối với từng giai đoạn phát triển của PVN, phù hợp với điều kiện và xu thế phát triển của xã hội và đất nước.

Điều 6. Quản lý Thương hiệu PVN

1. Quản lý Thương hiệu PVN là hoạt động dựa trên nền tảng Chiến lược Thương hiệu PVN và chiến lược marketing nhằm duy trì, phát triển và bảo vệ Thương hiệu PVN. Quản lý Thương hiệu PVN bao gồm:

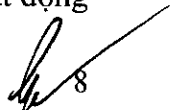
- a) Quản lý thông tin Thương hiệu PVN;
- b) Quản lý chiến lược xây dựng và phát triển Thương hiệu PVN;
- c) Quản lý, giám sát việc sử dụng Thương hiệu PVN, bảo hộ Thương hiệu PVN;



- d) Ban hành Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN, hướng dẫn sử dụng và giám sát việc thực hiện Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN tại PVN và các Công ty/đơn vị trong Tập đoàn;
- e) Quản lý, giám sát việc sử dụng lợi thế kinh doanh từ Thương hiệu PVN;
- f) Quản lý, giám sát hoạt động marketing và truyền thông thương mại của PVN;
- g) Quản lý, giám sát hoạt động liên quan đến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp của PVN;
- h) Quản lý Nhãn hiệu PVN, bảo hộ Nhãn hiệu PVN;
- i) Quản lý, giám sát việc sử dụng bí mật kinh doanh và hoạt động nhượng quyền thương mại PVN;
- j) Quản lý các hoạt động khác liên quan đến Thương hiệu PVN.

2. Quản lý Thương hiệu PVN hướng tới các mục đích:

- a) Quảng bá rộng rãi hình ảnh, tạo dựng và góp phần gia tăng uy tín, giá trị Thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- b) Nâng cao uy tín, sức cạnh tranh của các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN, tạo lợi thế cho Công ty/đơn vị này để dàng phát triển hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong hoạt động xúc tiến đầu tư-thương mại và đảm bảo là con đường ngắn nhất dẫn đến thành công của các đơn vị mới trong Tập đoàn hình thành và phát triển;
- c) Quy định chi tiết về sử dụng Thương hiệu PVN, Nhãn hiệu PVN trong các văn bản hành chính, trong giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp;
- d) Thống nhất việc quản lý và sử dụng Thương hiệu PVN, Nhãn hiệu PVN, đảm bảo để các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN, Nhãn hiệu PVN hiệu, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả Thương hiệu PVN, Nhãn hiệu PVN;
- e) Đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa marketing và quản lý Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN trong quá trình phát triển Thương hiệu PVN;
- f) Phát huy tối đa nội lực, xây dựng nhận thức của cộng đồng, củng cố danh tiếng, quảng bá hình ảnh về một tập đoàn kinh tế vững mạnh, có thương hiệu mang tầm quốc gia, qua đó tạo lợi thế cho PVN, Tập đoàn và các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN trong hoạt động sản xuất-kinh doanh, mở rộng thêm mạng lưới đối tác trong và ngoài nước.
- g) Hỗ trợ quá trình liên doanh, liên kết đầu tư, tận dụng được các nguồn vốn từ các nhà đầu tư ngoài PVN; giúp công tác thực thi và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đạt được hiệu quả cao hơn, hạn chế tối đa các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương hiệu nhờ tầm ảnh hưởng lớn từ giá trị Thương hiệu PVN;
- h) Ngăn chặn việc sử dụng không phép, trái pháp luật, không đúng mục đích Nhãn hiệu PVN trong các giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.



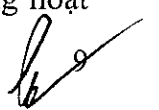
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của PVN trong quản lý Thương hiệu PVN

1. PVN có quyền:

- a) Thỏa thuận, cấp phép, giao kết, chấm dứt nhượng quyền thương mại, quyền sử dụng lợi thế kinh doanh của PVN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan của PVN.
- b) Thỏa thuận, cấp phép, giao kết về chuyển quyền sử dụng hoặc chấm dứt sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ (quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp,...) đối với tác phẩm, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng,.. thuộc sở hữu của PVN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ PVN, Quy chế này, Bộ nhận diện Thương hiệu PVN và các quy định liên quan của PVN.
- c) Quản lý, kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc sử dụng Thương hiệu PVN, Nhãn hiệu PVN; phổ biến, tuyên truyền, hỗ trợ về mặt pháp lý để các đơn vị hiểu và sử dụng đúng mục đích, sử dụng hiệu quả Thương hiệu PVN và Nhãn hiệu PVN.
- d) Thỏa thuận, cấp phép, giao kết, chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN hoặc Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan của PVN.
- e) Yêu cầu các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN sửa đổi một phần hoặc toàn bộ nội dung và hình thức nhãn hiệu của các Công ty/đơn vị này, nhằm đảm bảo đúng nội dung, ý nghĩa, mục đích và hình thức thẩm mỹ của Nhãn hiệu PVN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan của PVN.
- f) Yêu cầu các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN hưởng ứng, tham gia và đóng góp kinh phí (trong trường hợp cần thiết) cho các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và phát triển Thương hiệu PVN.
- g) Thu hồi quyết định cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN hoặc chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN nếu phát hiện việc sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN trái pháp luật, không đúng mục đích sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

2. PVN có nghĩa vụ:

- a) Đăng ký bảo hộ và khai thác tất cả các thành tố Thương hiệu PVN nhằm củng cố bản sắc Thương hiệu PVN. Các thành tố Thương hiệu PVN bao gồm Nhãn hiệu PVN, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích/sáng chế, bản quyền tác giả, thông điệp Thương hiệu PVN dưới hình thức slogan hoặc đoạn nhạc,... – là những thành tố góp phần tạo nên sự khác biệt giữa Thương hiệu PVN với các thương hiệu khác trên thị trường.
- b) Lưu trữ đầy đủ các bằng chứng sử dụng Thương hiệu PVN trong hoạt động thương mại. Các bằng chứng “sử dụng rộng rãi” Thương hiệu PVN trong hoạt



- động thương mại là một trong những điều kiện để công nhận “nhãn hiệu nổi tiếng” (nhãn hiệu được sử dụng liên tục cho sản phẩm/dịch vụ có uy tín khiến và được biết đến một cách rộng rãi).
- c) Tạo bản sắc Thương hiệu PVN bằng cách sử dụng nhất quán các thành tố Thương hiệu PVN theo đúng quy định tại Bộ Nhận diện Thương hiệu PVN.
 - d) Thường xuyên theo dõi thông tin và xử lý sớm các vi phạm liên quan đến Thương hiệu PVN để có thể kịp thời phản đối, khiếu nại việc cấp văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu có thể gây nhầm lẫn, tương tự với Nhãn hiệu PVN.
 - e) Bổ sung chức năng quản lý Thương hiệu PVN trong doanh nghiệp bên cạnh các chức năng quản lý thông thường như quản lý tài chính, quản lý nhân sự, quản lý chất lượng,... với quy định cụ thể về trách nhiệm quyền hạn và ngân sách hoạt động.
 - f) Tạo điều kiện thuận lợi để các Công ty/đơn vị có thể làm thủ tục nhận quyền sử dụng Thương hiệu PVN, Nhãn hiệu PVN, sử dụng lợi thế Thương hiệu PVN, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, bí mật kinh doanh, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng của PVN.
 - g) Cùng các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN, xây dựng chiến lược quản lý và sử dụng Thương hiệu PVN, xây dựng chiến lược marketing và truyền thông nhằm phát triển giá trị Thương hiệu PVN, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hóa của PVN.
 - h) Đảm bảo cho các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN hưởng mọi quyền lợi, cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định liên quan của PVN.
 - i) Phối hợp cùng với các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN nhanh chóng, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp cần thiết ngăn chặn và khắc phục hậu quả khi bị bên thứ ba xâm phạm quyền sở hữu đối với Thương hiệu PVN và Nhãn hiệu PVN.

Chương III

VỀ SỬ DỤNG TÊN THƯƠNG MẠI, SÁNG CHẾ, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP, BÍ MẬT KINH DOANH, NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI, MARKETING VÀ TRUYỀN THÔNG THƯƠNG MẠI VÀ BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU PVN

Điều 8. Sử dụng Tên thương mại của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu/Thương hiệu PVN

1. Sử dụng Tên thương mại PVN là việc dùng Tên thương mại PVN để xưng danh trong các hoạt động kinh doanh với mục đích thương mại, thể hiện Tên thương mại PVN trong các giấy tờ giao dịch, biển hiệu, sản phẩm, hàng hoá, bao bì hàng hoá và phương tiện cung cấp dịch vụ, quảng cáo.

2. Mọi hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại trùng hoặc tương tự với Tên thương mại PVN đã được sử dụng trước cho cùng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc cho sản phẩm, dịch vụ

tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó đều bị coi là xâm phạm quyền đối với Tên thương mại PVN.

3. PVN khuyến khích các doanh nghiệp trong Tập đoàn đặt Tên thương mại của Công ty/đơn vị viết tắt (tên viết tắt) trên cơ sở tuân thủ những nguyên tắc sau:

- a) Các doanh nghiệp cấp II của PVN hoặc các doanh nghiệp được PVN cho phép mới được sử dụng tên thương mại, tên viết tắt bắt đầu bằng chữ PV theo cấu trúc (PV + tên thương mại viết tắt của doanh nghiệp cấp II);
- b) Tên viết tắt của doanh nghiệp cấp III của PVN tuân thủ theo cấu trúc (tên viết tắt của doanh nghiệp cấp II của PVN + tên thương mại viết tắt của doanh nghiệp cấp III của PVN);
- c) Tên viết tắt của doanh nghiệp cấp tiếp theo của PVN tuân thủ tương tự theo cấu trúc nêu trên.

4. Việc sử dụng Tên thương mại PVN phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ PVN và Quy chế này.

Điều 9. Sáng chế và Kiểu dáng công nghiệp

1. Việc bảo hộ độc quyền Sáng chế và Kiểu dáng công nghiệp là một lợi thế tốt, mang lại cho PVN quyền sử dụng và khai thác Sáng chế đến 20 năm kể từ ngày nộp đơn và quyền sử dụng Kiểu dáng độc quyền năm năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn hai lần liên tiếp, mỗi lần năm năm.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với Sáng chế và Kiểu dáng công nghiệp thuộc sở hữu của PVN được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật; PVN có quyền chuyển giao quyền đăng ký cho tổ chức, cá nhân khác dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, để thừa kế hoặc kế thừa theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp đã nộp đơn đăng ký.

2. Việc sử dụng Sáng chế và Kiểu dáng công nghiệp đã được PVN đăng ký phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ PVN và Quy chế này.

Điều 10. Bí mật kinh doanh

1. Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh của PVN được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó;

2. Sử dụng bí mật kinh doanh PVN là việc thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Áp dụng bí mật kinh doanh để sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, thương mại hàng hoá;
- b) Bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu sản phẩm được sản xuất do áp dụng bí mật kinh doanh.

3. Việc sử dụng bí mật kinh doanh PVN phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ PVN và Quy chế này.

Điều 11. Nhượng quyền thương mại

1. Nhượng quyền thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo các điều kiện sau đây:

- a) Việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ được tiến hành theo cách thức tổ chức kinh doanh do bên nhượng quyền quy định và được gắn với nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, bí quyết kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo của bên nhượng quyền;
- b) Bên nhượng quyền có quyền kiểm soát và trợ giúp cho bên nhận quyền trong việc điều hành công việc kinh doanh.

12.2. Việc thực hiện nhượng quyền thương mại của PVN với đối với các chủ thể khác phải tuân thủ pháp luật, Điều lệ PVN và Quy chế này.

Điều 12. Marketing và truyền thông thương mại

1. Mọi hình thức marketing và truyền thông thương mại của các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN đều phải tuân thủ nguyên tắc, quy định pháp luật và thông lệ kinh doanh về hoạt động quảng cáo, marketing, cạnh tranh và đạo đức kinh doanh.

2. Hoạt động marketing và truyền thông thương mại của các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu PVN không được đi ngược với truyền thống văn hóa của Việt Nam, trái với đạo đức xã hội, với lợi ích PVN và phương hại đến uy tín của PVN và các doanh nghiệp khác trong Tập đoàn.

Điều 13. Bộ nhận diện Thương hiệu PVN

1. Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN là mạng lưới giao diện giữa Thương hiệu PVN với khách hàng, với đối tác và xã hội, là cơ sở xác lập tình trạng pháp lý của Thương hiệu PVN đối với những tranh chấp liên quan, cũng như cơ sở điều hành hệ thống nhượng quyền thương mại và phân phối, chuyển giao Thương hiệu PVN.

2. Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN gồm có hai phần:

Phần 1 - Hệ thống Quy chuẩn nhận diện Thương hiệu PVN: bao gồm các quy chuẩn nhất quán về hình khối, kiểu dáng, font chữ, kích thước, màu sắc và bố cục của Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN, trong đó các yếu tố cơ bản nhất là dấu hiệu đặc trưng (logo) và thiết kế chuẩn mực về kiểu chữ, màu sắc và bố cục (logotype). Đây là những quy chuẩn nền tảng cho mọi ứng dụng của Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN trên các công cụ truyền thông tĩnh và truyền thông động được PVN sử dụng rộng rãi trong mọi hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh cũng như các hoạt động cộng đồng và quan hệ công chúng.

Phần 2 - Hệ thống các ứng dụng của quy chuẩn nhận diện là tập hợp phần lớn các thiết kế ứng dụng bao gồm các ấn phẩm, tài liệu, biển hiệu quảng cáo và các công cụ truyền thông khác nhằm tạo ra cảm nhận rõ nét và đặc trưng về Thương hiệu PVN.

3. Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN được tuyên truyền, phổ biến, áp dụng trong PVN và tại các Công ty/đơn vị của Tập đoàn.



Các doanh nghiệp trong Tập đoàn có thể xem xét sử dụng Bộ nhận diện Thương hiệu PVN trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp cho Thương hiệu PVN, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và xây dựng Thương hiệu PVN trở thành một thương hiệu mạnh tầm quốc gia và trên trường quốc tế.

4. Việc sử dụng Bộ nhận diện Thương hiệu PVN trong hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và Hệ thống nhận diện Thương hiệu PVN.

Chương IV

NHÃN HIỆU TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Điều 14. Mô tả Nhãn hiệu PVN (đặc điểm hình dáng, màu sắc, bố cục và tỷ lệ kích thước)

1. Mô tả Nhãn hiệu PVN

Nhãn hiệu PVN là một tổng thể gồm: một hình chữ nhật đứng nền xanh da trời đậm, có tỷ lệ kích thước (chiều rộng x chiều dài) là (5 x 6), ở giữa vẽ hình ngọn lửa hai nhánh màu đỏ cháy lên từ chữ V của hàng chữ màu trắng PETROVIETNAM – tên giao dịch quốc tế của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngọn lửa đỏ hai nhánh được cách điệu tạo hình đất nước ở khoảng trống giữa hai ngọn lửa.

2. Mẫu Nhãn hiệu PVN và phương pháp dựng vẽ

Mẫu Nhãn hiệu PVN được đăng ký và bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa quy định tại Khoản 22 Điều 3 Quy chế này.

Việc dựng vẽ Nhãn hiệu PVN được thực hiện trong khung hình chữ nhật đứng kẻ lưới với tỷ lệ kích thước chiều rộng và chiều dài (chiều cao) là (15a x 18a), tương đương với tỷ lệ (5 x 6). Các chi tiết chính của Nhãn hiệu PVN gồm ngọn lửa đỏ hai nhánh và hàng chữ PETROVIETNAM. Việc xác định tọa độ của các chi tiết khi dựng vẽ được hỗ trợ bằng các ô lưới có kích thước cạnh quy ước là 1a.

a) Quy định về phương pháp dựng vẽ các chi tiết chính của Nhãn hiệu PVN:

- *Ngọn lửa đỏ hai nhánh.* Ngọn lửa cháy lên từ lòng chữ V của dòng chữ PETROVIETNAM cách cạnh đáy dưới của khung Nhãn hiệu PVN 2,5a. Hai nhánh lửa được vẽ trọn trong hình chữ nhật kích thước (6a x 13a). Tâm của hình chữ nhật này cũng chính là tâm của khung Nhãn hiệu PVN; nhánh lửa bên phải cao 13a, cách cạnh trên 2,5a; nhánh lửa bên trái cao 9a, cách cạnh trên 6,5a.
- *Dòng chữ PETROVIETNAM* màu trắng, sử dụng font chữ .VnHelvetInsH (thuộc bộ chữ ABC), có chiều cao bằng 2a, trải dài theo chiều ngang là 13a, cách đều hai bên cạnh khung Nhãn hiệu PVN là 1a và cách cạnh đáy dưới 2a.
- *Màu sắc của Nhãn hiệu (biểu tượng) Logo PVN* được quy định theo các hệ màu tương đương như sau:

Thông số màu chuẩn: - Màu nền PANTONE 3005 CV
 - Màu ngọn lửa – RED

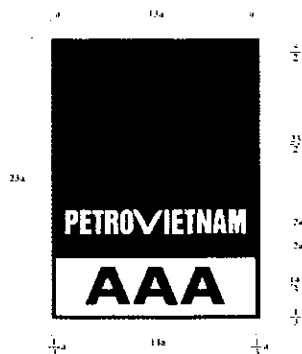


b) Các hệ màu tương đương trong bảng sau:

Màu nền Nhãn hiệu PVN – BLUE	Màu ngọn lửa – RED
+ Hệ CMYK (C = 100, M = 30, Y = 0, K = 6)	+ Hệ CMYK (C = 0, M = Y = 100, K = 0)
+ Hệ RGB (R = 0, G = 132, B = 202)	+ Hệ RGB (R = 220, G = 43, B = 25)
+ Hệ HSB (H = 201, S = 100, B = 79)	+ Hệ HSB (H = 6, S = 89, B = 86)
+ Hệ Lab (L = 53, a = -7, b = -21)	+ Hệ Lab (L = 48, a = 32, b = 26)

3. Mẫu nhãn hiệu của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN

a) Mẫu nhãn hiệu của các Đơn vị trực thuộc PVN, Công ty con (doanh nghiệp cấp II) của PVN, Đơn vị trực thuộc Công ty con của PVN sử dụng Nhãn hiệu PVN có tỷ lệ kích thước là $(15a \times 22a + 2/3a)$, được tạo từ mẫu Nhãn hiệu PVN và thêm dòng chữ viết tắt tên Công ty/đơn vị hoặc tên thương mại, tên giao dịch quốc tế của Công ty/đơn vị bằng tiếng Anh. Hàng chữ tên Công ty/đơn vị trên nhãn hiệu được viết bằng font chữ Humnst777Blk BT, có chiều cao bằng $3a$ trên nền trắng phía dưới có nét bao màu xanh liền với nền của Nhãn hiệu PVN (kích thước $15a \times 4a + 2/3a$), độ dày của nét xanh là $1/3a$. Phần chữ (tên Công ty/đơn vị cách cạnh đáy khung Nhãn hiệu PVN $2/3a$ và cách cạnh dưới của khung $2/3a$; chữ cái đầu và chữ cái cuối tên đơn vị (đối với công ty/đơn vị có tên viết tắt dài) cách đều 2 cạnh bên khung nhãn hiệu ít nhất là $1a$ (trong trường hợp đặc biệt, nếu tên viết tắt của Công ty/đơn vị quá dài, có thể co độ dày của các con chữ cho phù hợp và đảm bảo thẩm mỹ của Nhãn hiệu PVN).



Màu sắc nhãn hiệu của các Đơn vị trực thuộc PVN, các Công ty con của PVN, các Đơn vị trực thuộc Công ty con của PVN phải tuân thủ đúng các quy định màu sắc của Nhãn hiệu PVN, được quy định theo các hệ màu như sau:

Thông số màu chuẩn: Màu xanh (nét khung) PANTONE 3005 CV

Màu tên Công ty/đơn vị – RED

Các hệ màu tương đương trong bảng sau:

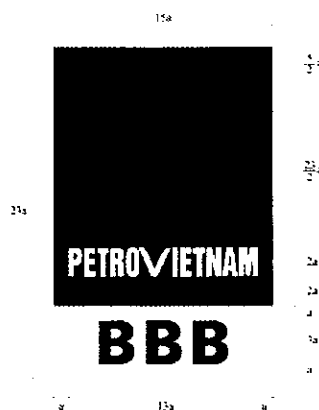
Màu nét khung – BLUE	Màu tên Công ty/đơn vị – RED
+ Hệ CMYK (C = 100, M = 30, Y = 0, K = 6)	+ Hệ CMYK (C = 0, M = Y = 100, K = 0)
+ Hệ RGB (R = 0, G = 132, B = 202)	+ Hệ RGB (R = 220, G = 43, B = 25)
+ Hệ HSB (H = 201, S = 100, B = 79)	+ Hệ HSB (H = 6, S = 89, B = 86)
+ Hệ Lab (L = 53, a = -7, b = -21)	+ Hệ Lab (L = 48, a = 32, b = 26)

b) Mẫu nhãn hiệu của Công ty/đơn vị khác sử dụng Nhãn hiệu PVN có tỷ lệ kích thước là (15a x 23a), được tạo từ mẫu Nhãn hiệu PVN và thêm dòng chữ viết tắt tên Công ty/đơn vị hoặc tên thương mại, tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh. Hàng chữ tên Công ty/đơn vị trên nhãn hiệu được viết bằng font chữ Humnst777Blk BT, có chiều cao bằng 3a trên nền trắng phía dưới không có nét bao màu xanh. Phần chữ tên Công ty/đơn vị cách cạnh đáy khung Nhãn hiệu PVN 1a, chữ cái đầu và chữ cái cuối tên đơn vị (đối với công ty/đơn vị có tên viết tắt dài) giới hạn rộng nhất được giống thẳng từ cạnh bên khung nhãn hiệu thẳng xuống. Trong trường hợp đặc biệt, đối với Công ty/đơn vị có tên viết tắt quá dài, có thể co độ dày của các con chữ cho phù hợp và đảm bảo thẩm mỹ của Nhãn hiệu PVN.

Màu sắc nhãn hiệu của các Công ty/đơn vị khác sử dụng Nhãn hiệu PVN phải tuân thủ đúng các quy định màu sắc của Nhãn hiệu PVN, được quy định theo các hệ màu như sau:

Thông số màu chuẩn:

Màu tên Công ty /đơn vị – RED



[Handwritten signature] 15

Các hệ màu tương đương trong bảng sau:

	<u>Màu tên Công ty/đơn vị – RED</u>
	+ Hệ CMYK (C = 0, M = Y = 100, K = 0)
	+ Hệ RGB (R = 220, G = 43, B = 25)
	+ Hệ HSB (H = 6, S = 89, B = 86)
	+ Hệ Lab (L = 48, a = 32, b = 26)

Điều 15. Xác lập quyền sở hữu Nhãn hiệu PVN

1. Nhãn hiệu PVN nằm trong giá trị tổng thể “Thương hiệu PVN”, là tài sản thuộc sở hữu của PVN, do vậy PVN được toàn quyền định đoạt đối với tài sản đó, như sử dụng, mua, bán, chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN đối với bất kỳ một tài sản nào khác thuộc sở hữu của PVN.

2. Quyền sở hữu của PVN đối với nhãn hiệu hàng hóa (Nhãn hiệu PVN) được pháp luật công nhận và bảo hộ bằng các Nhãn hiệu PVN được đăng ký và bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa quy định tại Khoản 22 Điều 3 Quy chế này.

3. PVN cấp phép và quản lý sử dụng Nhãn hiệu PVN đối với các Công ty/đơn vị đã ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN với PVN trên cơ sở các quy định tại Quy chế này.

4. Các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN hoàn toàn bình đẳng về quyền, lợi ích, cũng như nghĩa vụ liên quan trong quá trình sử dụng Nhãn hiệu PVN được quy định trong Quy chế này.

Điều 16. Xác lập quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN được xác lập trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Hội đồng Thành viên PVN.

2. PVN quản lý sử dụng Nhãn hiệu PVN đối với các Công ty/đơn vị đã ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN với PVN trên cơ sở các quy định tại Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN.

Việc sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các văn bản hành chính, trong giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp đối với các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN phải tuân thủ mọi quy định của pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này, Hệ thống nhận diện thương hiệu của PVN và các văn bản liên quan khác do PVN ban hành.

3. Tất cả các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN không được sử dụng một phần hoặc toàn bộ Nhãn hiệu PVN (bao gồm chữ PETROVIETNAM và Hình) để đăng ký nhãn hiệu của mình dưới bất kỳ một hình thức nào.

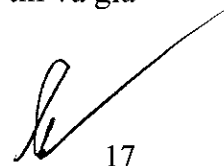
4. Khi tỷ lệ vốn góp trực tiếp của PVN trong vốn điều lệ của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp cấp II trong Tập đoàn giảm xuống dưới 30% và PVN không còn nắm giữ quyền chi phối đối với các Công ty/đơn vị này theo quy định tại

điều lệ thì các Công ty/đơn vị đó phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN như quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Quy chế. Việc tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị này và của các doanh nghiệp của Công ty/đơn vị đó phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép.

5. Khi tỷ lệ vốn góp trực tiếp của doanh nghiệp cấp II của PVN trong vốn điều lệ của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp cấp tiếp theo của doanh nghiệp cấp II của PVN giảm xuống dưới 30% và doanh nghiệp cấp II này không còn nắm giữ quyền chi phối đối với các Công ty/đơn vị này theo quy định tại điều lệ thì các Công ty/đơn vị đó phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 của Quy chế. Việc tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị này phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép.

Điều 17. Đối tượng, tiêu chí, điều kiện xét duyệt cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Các đối tượng được xét duyệt cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN:
 - a) Là doanh nghiệp cấp II của PVN mà tỷ lệ vốn góp trực tiếp của PVN trong vốn điều lệ của doanh nghiệp cấp II này từ 30% trở lên hoặc PVN nắm giữ quyền chi phối tại doanh nghiệp cấp II đó theo quy định tại Điều lệ PVN hoặc điều lệ doanh nghiệp cấp II.
 - b) Là doanh nghiệp cấp tiếp theo của doanh nghiệp cấp II của PVN mà tỷ lệ vốn góp trực tiếp của doanh nghiệp cấp II đó trong vốn điều lệ của công ty này từ 30% trở lên (không được tính cộng dồn tỷ lệ vốn góp của tất cả các doanh nghiệp cấp II của PVN trong vốn điều lệ của doanh nghiệp cấp III này) hoặc doanh nghiệp cấp II đó giữ quyền chi phối tại doanh nghiệp cấp III này theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp cấp II hoặc điều lệ của doanh nghiệp đề nghị xét duyệt cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN;
 - c) Các doanh nghiệp, tổ chức khác được Hội đồng Thành viên PVN quyết định xem xét xét duyệt để cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN.
2. Tiêu chí, điều kiện xét duyệt cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN gồm:
 - a) Thuộc một trong các đối tượng được xem xét xét duyệt để cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Có nguyện vọng sử dụng Nhãn hiệu PVN, có văn bản xin phép sử dụng Nhãn hiệu PVN; cam kết sử dụng Nhãn hiệu PVN đúng mục đích, tuân thủ các quy định của PVN và pháp luật liên quan đến việc sử dụng Nhãn hiệu PVN;
 - c) Có ngành nghề hoạt động kinh doanh tương tự như ngành nghề kinh doanh chính của PVN và/hoặc liên quan đến lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của PVN;
 - d) Có hoạt động sản xuất-kinh doanh lành mạnh, tài chính minh bạch, không vi phạm các quy định pháp luật, để có thể góp phần tạo dựng, gia tăng uy tín và giá trị thương hiệu của PVN.



Điều 18. Thủ tục xin phép và ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Doanh nghiệp, tổ chức có nguyện vọng sử dụng Nhãn hiệu PVN phải xin phép bằng văn bản (gửi đơn hoặc công văn) đề nghị được sử dụng Nhãn hiệu PVN và chỉ được sử dụng Nhãn hiệu PVN khi Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép được sử dụng Nhãn hiệu PVN bằng văn bản và sau khi ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN với PVN.

2. Để sử dụng Nhãn hiệu PVN, trên cơ sở quyết định của Hội đồng Thành viên PVN về việc xác lập quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, các Công ty/đơn vị được PVN cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN phải ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN với PVN. PVN gửi Hợp đồng Nhãn hiệu PVN mẫu cho các Công ty/đơn vị để làm cơ sở dự thảo, đàm phán và ký kết Hợp đồng Nhãn hiệu PVN giữa PVN và Công ty/đơn vị.

Trình tự thủ tục, nội dung liên quan đến ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN.

3. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN phải được đăng ký tại Cục Sở hữu Trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật về Sở hữu trí tuệ hiện hành.

Điều 19. Thời hạn sử dụng Nhãn hiệu PVN

Thời hạn sử dụng Nhãn hiệu PVN đối với các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN được thỏa thuận cụ thể trong từng Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN. Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu ký kết với PVN phải có thời hạn không ít hơn 02 (hai) năm. Trường hợp thời hạn sử dụng Nhãn hiệu PVN ít hơn 02 (hai) năm phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của PVN đối với các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. PVN có quyền:

- a) Thỏa thuận, cấp phép, giao kết, chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN hoặc Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN;
- b) Quản lý, kiểm tra, giám sát các Công ty/đơn vị trong việc sử dụng Nhãn hiệu PVN; phổ biến, tuyên truyền, hỗ trợ về mặt pháp lý để các Công ty/đơn vị hiểu và sử dụng đúng mục đích, sử dụng hiệu quả Nhãn hiệu PVN;
- c) Yêu cầu các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN sửa đổi một phần hoặc toàn bộ nội dung và hình thức nhãn hiệu có sử dụng Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị này, nhằm đảm bảo đúng nội dung, ý nghĩa, mục đích và hình thức thẩm mỹ của Nhãn hiệu PVN theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN;
- d) Yêu cầu các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN hưởng ứng, tham gia và đóng góp kinh phí (trong trường hợp cần thiết) cho các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và phát triển thương hiệu của PVN và Tập đoàn;

e) Thu hồi quyết định cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN hoặc chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN nếu phát hiện việc sử dụng trái pháp luật, không đúng mục đích Nhãn hiệu PVN trong các giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

2. PVN có nghĩa vụ:

- a) Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được xét duyệt cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN có thể làm thủ tục nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN;
- b) Cùng các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN đề ra định hướng sử dụng hiệu quả Nhãn hiệu PVN nhằm phát triển giá trị thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm mang nhãn hiệu hàng hóa của PVN và Tập đoàn;
- c) Đảm bảo cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN hưởng mọi quyền lợi, cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN;
- d) Phối hợp cùng với các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN nhanh chóng, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp cần thiết ngăn chặn và khắc phục hậu quả khi bị bên thứ ba xâm phạm quyền sở hữu đối với Nhãn hiệu PVN.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của các Công ty/đơn vị trong việc sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Quyền lợi của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN:

- a) Được quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các văn bản hành chính, trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đối ngoại của mình; và được hưởng lợi từ việc sử dụng Nhãn hiệu PVN sau khi ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN để nhận được quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quy định tại Quy chế này;
- b) Được tiếp cận, hỗ trợ về công nghệ, thông tin, các cơ hội sản xuất, kinh doanh phù hợp với chiến lược phát triển thương hiệu chung của PVN và Tập đoàn;
- c) Được tham gia các hoạt động chung của PVN và Tập đoàn nhằm quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ với mục đích nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ của PVN và của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN trên thị trường trong nước cũng như thế giới.

2. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN:

- a) Sử dụng Nhãn hiệu PVN trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN được ký kết, phù hợp với đăng ký kinh doanh và với danh mục sản phẩm đã đăng ký của nhãn hiệu hàng hóa, và theo đúng các quy định tại Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN được ký kết hoặc tại Quy chế này. Các Công ty/đơn vị không được lưu thông trên thị trường các sản phẩm mang Nhãn hiệu PVN không đảm bảo chất lượng, làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu “PETROVIETNAM”;

- b) Sử dụng theo đúng mẫu Nhãn hiệu PVN đăng ký và mẫu dựng vẽ quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 14 Quy chế này; nghiêm cấm thêm hoặc bớt bất kỳ chi tiết nào làm sai lệch hình ảnh Nhãn hiệu PVN đã được đăng ký; trong trường hợp điều chỉnh cách dựng vẽ nhãn hiệu của Công ty/đơn vị khác với mẫu dựng vẽ quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 14 Quy chế này thì phải được sự đồng ý, chấp thuận của Hội đồng Thành viên PVN;
- c) Chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo đúng quy định tại Quy chế này, các quy định liên quan khác của PVN và pháp luật;
- d) Không được sử dụng một phần hoặc toàn bộ Nhãn hiệu PVN (bao gồm chữ PETROVIETNAM và Hình) để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa của công ty mình, cũng như không được chuyển nhượng quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN dưới bất kỳ hình thức nào;
- e) Trong trường hợp sáp nhập, chia tách hoặc chuyển đổi doanh nghiệp, Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN như quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Quy chế này. Để nhận được quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, đơn vị mới thành lập hoặc thành lập lại sau khi sáp nhập, chia tách hoặc chuyển đổi doanh nghiệp phải xin phép và ký mới Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN với PVN theo các quy định tại Quy chế này;
- f) Trường hợp tỷ lệ vốn góp trực tiếp của PVN trong vốn điều lệ của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp cấp II của PVN giảm xuống dưới 30% và PVN không còn nắm giữ quyền chi phối đối các Công ty/đơn vị này theo quy định tại điều lệ thì các Công ty/đơn vị đó phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN như quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Quy chế này. Việc tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị này và các doanh nghiệp của Công ty/đơn vị đó phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép.
- g) Trường hợp tỷ lệ vốn góp trực tiếp của doanh nghiệp cấp II của PVN trong vốn điều lệ của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp cấp tiếp theo của doanh nghiệp cấp II nêu trên giảm xuống dưới 30% và doanh nghiệp cấp II đó không còn nắm giữ quyền chi phối đối các Công ty/đơn vị này theo quy định tại điều lệ thì các Công ty/đơn vị đó phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN như quy định tại Khoản 5 Điều 22 của Quy chế này. Việc tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị đó phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép.
- h) Không được tự ý cho phép các công ty con/doanh nghiệp của mình (doanh nghiệp cấp III và các cấp tiếp theo) sử dụng Nhãn hiệu PVN nếu không có chấp thuận của Hội đồng Thành viên PVN;
- i) Có trách nhiệm cùng PVN quản lý, giám sát việc sử dụng Nhãn hiệu PVN của các công ty con/doanh nghiệp thành viên (doanh nghiệp cấp III) và báo cáo PVN tình hình sử dụng Nhãn hiệu PVN của mình và của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp của mình.

- j) Có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ và không làm tổn hại đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của PVN và Tập đoàn;
- k) Thực hiện các quy chế, quy định và chỉ thị của PVN để đảm bảo thống nhất thực hiện chiến lược phát triển thương hiệu chung của PVN và Tập đoàn;
- l) Cùng với PVN thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn việc xâm phạm quyền sở hữu của bên thứ ba đối với Nhãn hiệu PVN;
- m) Không được sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các giao dịch, hoạt động kinh doanh trái pháp luật;
- n) Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh;
- o) Nghiêm cấm các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh hoặc mâu thuẫn với quyền lợi của PVN và các Công ty/đơn vị khác sử dụng Nhãn hiệu PVN, gây tổn hại nghiêm trọng về vật chất cũng như uy tín của PVN, Tập đoàn và các doanh nghiệp này.

Điều 22. Chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN như quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b) Hết thời hạn sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quy định tại Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN và Quy chế này;
 - c) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quy định tại từng hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cụ thể đã được ký kết;
 - d) Hết hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN (mà không được gia hạn) hoặc các bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN trước thời hạn;
 - e) Hội đồng Thành viên PVN ban hành văn bản quyết định về việc chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN trong trường hợp Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN vi phạm Quy chế này.

2. Các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN có thể tự nguyện chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN nếu thấy việc sử dụng Nhãn hiệu PVN là không cần thiết, không hiệu quả và/hoặc không phù hợp với mục đích, tiêu chí sản xuất-kinh doanh của mình hoặc khi tự nhận thấy không thể tuân thủ theo đúng các quy định của Quy chế này.

Trường hợp tự nguyện chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN phải có văn bản chính thức gửi PVN đề nghị chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN. Quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN chấm dứt kể từ ngày biên bản thanh lý Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN giữa PVN và Công ty/đơn vị tự nguyện chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN có hiệu lực thi hành hoặc vào một thời hạn cụ thể do PVN và Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN thỏa thuận, thống nhất tại biên bản thanh lý. Nếu sau 45 ngày làm việc kể từ ngày Công ty/đơn vị có văn bản đề nghị

chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN gửi PVN mà không nhận được trả lời bằng văn bản thì coi như PVN đã chấp thuận cho Công ty/đơn vị đó chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN.

3. Khi Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN sáp nhập, chia tách hoặc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, thì quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN đương nhiên chấm dứt. Quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN không được chuyển giao cho doanh nghiệp mới thành lập, thành lập lại hoặc chuyển đổi. Để nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, doanh nghiệp mới thành lập hoặc thành lập lại sau khi sáp nhập, chia tách hoặc chuyển đổi phải xin phép Hội đồng Thành viên PVN được sử dụng Nhãn hiệu PVN và ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN mới theo các quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của PVN. Nghiêm cấm các Công ty/đơn vị trước khi sáp nhập, chia tách hoặc chuyển đổi định giá Nhãn hiệu PVN như một phần tài sản của Công ty/đơn vị mình.

4. Khi tỷ lệ vốn góp trực tiếp của PVN trong vốn điều lệ của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp cấp II của PVN giảm xuống dưới 30% và PVN không nắm giữ quyền chi phối đối các Công ty/đơn vị này theo quy định tại Điều lệ PVN hay điều lệ doanh nghiệp thì các Công ty/đơn vị đó phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN. Để tiếp tục có quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, Công ty/đơn vị này và các doanh nghiệp của Công ty/đơn vị đó phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN và ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN mới theo các quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của PVN.

5. Khi tỷ lệ vốn góp trực tiếp của doanh nghiệp cấp II của PVN trong vốn điều lệ của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là doanh nghiệp cấp tiếp theo của doanh nghiệp cấp II giảm xuống dưới 30% và doanh nghiệp cấp II không còn nắm giữ quyền chi phối đối các Công ty/đơn vị này theo quy định tại điều lệ doanh nghiệp thì các Công ty/đơn vị đó phải chấm dứt Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN. Để tiếp tục có quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, các Công ty/đơn vị này phải được Hội đồng Thành viên PVN chấp thuận cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN và ký kết Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN mới theo các quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan của PVN.

6. Các Công ty/đơn vị đã chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN không được sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các văn bản hành chính, trong giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp, dưới bất kỳ hình thức nào. Sau khi chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, việc tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các văn bản hành chính, trong giao dịch, hoạt động đối ngoại, kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp mà không có sự đồng ý, chấp thuận của PVN sẽ bị coi là sử dụng không phép và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN phải chịu mọi chi phí và các hệ quả pháp lý phát sinh khi chấm dứt quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN.

Điều 23. Phí sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Nhãn hiệu PVN có thể được lượng hóa bằng tiền theo tính toán của PVN hoặc do một tổ chức thẩm định giá độc lập tiến hành và phải được Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt. Phí sử dụng Nhãn hiệu PVN là số tiền mà Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN

22

phải trả cho PVN để được quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan khác. Phí sử dụng Nhãn hiệu PVN thu được từ các Công ty/đơn vị được sử dụng để phát triển, quảng bá Thương hiệu PVN, cũng như tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN, cũng như uy tín chung của Thương hiệu PVN.

2. Các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN có nghĩa vụ phải nộp phí sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quy định tại Điều 23, 24 Quy chế này, quy định tại Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN và các văn bản quyết định, hướng dẫn có liên quan của PVN.

Mức phí sử dụng Nhãn hiệu PVN áp dụng đối với các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN là 1% tính trên tổng lợi nhuận trước thuế.

Phí sử dụng Nhãn hiệu PVN được là chi phí sản xuất của Công ty/đơn vị. Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN để tính phí sử dụng Nhãn hiệu PVN là lợi nhuận trước thuế của Công ty/đơn vị theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính liền kề trước đó.

3. PVN có thể xem xét miễn-giảm phí sử dụng Nhãn hiệu PVN cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN trên cơ sở đề nghị, tình hình sản xuất-kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty/đơn vị.

Việc xem xét quyết định miễn-giảm phí sử dụng Nhãn hiệu PVN cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc như sau:

a) Tùy thuộc vào thời gian đề nghị miễn-giảm phí sử dụng Nhãn hiệu PVN, tùy thuộc vào tính chất, mục đích sử dụng Nhãn hiệu PVN trong từng trường hợp cụ thể, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng giám đốc PVN quyết định về việc miễn-giảm phí sử dụng Nhãn hiệu PVN.

Việc miễn-giảm phí sử dụng Nhãn hiệu PVN của một (01) năm sử dụng cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN do Tổng giám đốc PVN xem xét quyết định. Việc miễn-giảm phí sử dụng Nhãn hiệu PVN cho các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN từ hai (02) năm liên tục trở lên do Hội đồng Thành viên PVN xem xét quyết định.

b) Có thể xem xét quyết định miễn phí Nhãn hiệu PVN đối với Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN khi: (i) Công ty/đơn vị này có lỗ lũy kế được thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm mà báo cáo tài chính của năm đó được sử dụng để làm cơ sở tính phí Nhãn hiệu PVN; và (ii) Công ty/đơn vị này không có khả năng chi trả phí sử dụng Nhãn hiệu PVN do tình hình tài chính khó khăn của năm phải thực hiện nghĩa vụ trả phí sử dụng Nhãn hiệu PVN theo Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN.

c) Có thể xem xét quyết định giảm phí Nhãn hiệu PVN đến 50% đối với Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN khi: (i) Công ty/đơn vị này có phát sinh lỗ từ ít nhất 06 tháng trong năm trở lên và phải được thể hiện trong báo cáo tài chính của năm phát sinh lỗ; và (ii) tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty/đơn vị vẫn tiếp tục khó khăn theo dự báo và báo cáo của Công ty/đơn vị.

Điều 24. Hình thức trả phí và thời hạn nộp phí

1. Phí sử dụng Nhãn hiệu PVN phải được các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN nộp theo từng năm và có thể chuyển nộp phí thành nhiều lần trong năm.

2. Hình thức trả phí sử dụng Nhãn hiệu PVN, cách thức thanh toán, thuế và các lệ phí liên quan sẽ được thoả thuận cụ thể trong Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN và các văn bản hướng dẫn của PVN. Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm ban hành các biểu mẫu, quy trình thanh toán phí sử dụng Nhãn hiệu PVN để thực hiện.

Điều 25. Vi phạm và xử lý vi phạm trong việc sử dụng Nhãn hiệu PVN

1. Những hành vi sau đây được coi là hành vi vi phạm trong sử dụng Nhãn hiệu PVN:

- a) Sử dụng không phép và trái phép Nhãn hiệu PVN đã được đăng ký theo quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ PVN và Quy chế này;
- b) Sử dụng Nhãn hiệu PVN không đúng mục đích, không phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh và với danh mục sản phẩm đã đăng ký của nhãn hiệu hàng hóa, và theo đúng các quy định tại Quy chế này; lưu thông trên thị trường các sản phẩm mang Nhãn hiệu PVN không đảm bảo chất lượng, làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu “PETROVIETNAM” hoặc ảnh hưởng đến các Công ty/đơn vị khác sử dụng Nhãn hiệu PVN;
- c) Sử dụng không theo đúng mẫu Nhãn hiệu PVN đăng ký và mẫu dựng vẽ quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 14 Quy chế này; tự ý thêm hoặc bớt các chi tiết làm sai lệch hình ảnh Nhãn hiệu PVN đã được đăng ký;
- d) Không nộp phí sử dụng Nhãn hiệu PVN trong hai (02) năm liên tiếp mà không được sự đồng ý/chấp thuận của PVN.
- e) Tự ý chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN;
- f) Sử dụng Nhãn hiệu PVN trong các giao dịch, hoạt động kinh doanh trái pháp luật và trái quy định của PVN và Tập đoàn;
- g) Không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Quy chế này, cũng như các cam kết trong Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN theo các quy định của pháp luật và Quy chế này.
- h) Không cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về hoạt động của Công ty/đơn vị khi PVN yêu cầu;
- i) Thực hiện các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh hoặc mâu thuẫn với quyền lợi của PVN, Tập đoàn và các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN, gây tổn hại về vật chất cũng như uy tín của PVN, Tập đoàn và các Công ty/đơn vị này.

2. Việc xử lý đối với các Công ty/đơn vị vi phạm trong sử dụng Nhãn hiệu PVN có thể áp dụng những hình thức sau:

- a) Thu hồi quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN;
- b) Chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN;

- c) Buộc phải đền bù vật chất theo quy định của pháp luật và của PVN, nếu hành vi vi phạm gây tổn hại nghiêm trọng về vật chất cũng như uy tín của PVN và của các Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN;
- d) Các hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

3. Bất kỳ Công ty/đơn vị sử dụng Nhãn hiệu PVN nào phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với Nhãn hiệu PVN đều có quyền và nghĩa vụ đề nghị PVN tiến hành các thủ tục bảo hộ, đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo đúng quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc sử dụng và quản lý Thương hiệu PVN

1. Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Các Công ty/đơn vị được sử dụng Thương hiệu PVN có trách nhiệm nghiêm túc tuân thủ các quy định về sử dụng Thương hiệu PVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN.

2. Tổng giám đốc PVN chỉ đạo các phòng, ban chức năng của PVN hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN.

Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Thành viên PVN về công tác quản lý Thương hiệu PVN định kỳ vào tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác này khi có yêu cầu của Hội đồng Thành viên PVN.

3. Các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN có trách nhiệm phối hợp cùng PVN kiểm tra, giám sát việc sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN của các Công ty/đơn vị là doanh nghiệp của mình, đảm bảo việc sử dụng Nhãn hiệu PVN hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định của Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu PVN, tuân thủ pháp luật, Điều lệ PVN, Quy chế này và các quy định liên quan khác của PVN.

Các Công ty/đơn vị sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Thành viên PVN về công tác quản lý Thương hiệu PVN định kỳ vào tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác này khi có yêu cầu của PVN.

Điều 27. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm 5 Chương, 28 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Quy chế này thay thế Quy chế Quản lý Thương hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 6444/QĐ-DKVN ngày 21 tháng 7 năm 2011 và các quy định tại Quyết định 7349/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 9 năm 2012 Về việc Sửa đổi, bổ sung một

số Điều của “Quy chế Quản lý Thương hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 6444/QĐ-DKVN ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Các quy định ban hành trước đây liên quan đến hoạt động quản lý sử dụng Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ.

3. Các Công ty/đơn vị đã được PVN cho phép sử dụng Nhãn hiệu PVN theo quyết định của Hội đồng Thành viên PVN, theo thỏa thuận, cam kết hoặc hợp đồng ký kết trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực đều phải thực hiện theo Quy chế này.

Điều 28. Các điều khoản khác

1. Tổng giám đốc PVN có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Quy chế, theo đó căn cứ Quy chế này ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến việc sử dụng và quản lý Thương hiệu/Nhãn hiệu PVN.

2. Quy chế này có thể bổ sung, sửa đổi phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất-kinh doanh và chiến lược phát triển của PVN.
